

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1293/2025/DS-ST

Ngày: 19/9/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU KHU VỰC 9 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh;

2. Bà Trần Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: Z đường N, Phường V, Quận Y, Thành phố H (nay phường X, Thành phố H). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Quỳnh D, sinh năm 19xx (văn bản ủy quyền số 3193/2025/UQ-TT.XLN ngày 01/8/2025 (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng H, Sinh năm 19xx; Địa chỉ thường trú: J Quốc lộ K, phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường A1, Thành phố H) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 26/06/2020, Ông Trần Hoàng H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.77%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 196.674.570 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 193.334.906 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.701.704 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày xét xử ngày 19/9/2025, ông H còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm): Nợ gốc: 34.701.704 đồng; Lãi quá hạn: 30.570.904 đồng. Tổng cộng: 65.272.608 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 34.701.704 đồng với lãi suất quá hạn là 4.155%/tháng ($2.77\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Ông Trần Hoàng H phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền (gồm cả gốc và lãi) tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 65.272.608 đồng, gồm nợ gốc là 34.701.704 đồng và lãi quá hạn là 30.570.904 đồng. Ngoài ra, Ông Trần Hoàng H có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Trần Hoàng H trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S. Do đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Khi ký Hợp đồng với Ngân hàng thì bị đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số J Quốc lộ K, phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường A1, Thành phố H). Tính đến nay, ông H không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng biết địa

chỉ nào khác của ông H. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo địa chỉ trên.

* *Bị đơn Ông Trần Hoàng H:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do; không có văn bản ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án, không có yêu cầu phản tố.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: căn cứ 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 65.272.608 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và Ông Trần Hoàng H là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà hai bên đã ký vào ngày 26/6/2020.

Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 26/6/2020 thì ông H cung cấp địa chỉ thường trú tại số J Quốc lộ K, phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường A1, Thành phố H). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn tại Công an phường A thì Ông Trần Hoàng H có hộ khẩu thường trú tại số J Quốc lộ K, phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường A1, Thành phố H), tại thời điểm xác minh thì nhà bán, không thực tế cư trú, ở đâu không rõ. Như vậy, người khởi kiện được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do Toà án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn Ông Trần Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là Ông Trần Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 26/06/2020, Ông Trần Hoàng H đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Ông Trần Hoàng H có đủ năng lực hành vi dân sự. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Căn cứ tóm tắt sao kê quá trình sử dụng thẻ, nhận thấy Ông Trần Hoàng H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 196.674.570 đồng và thanh toán đến ngày 22/8/2023 được tổng số tiền là 193.334.906 đồng, từ ngày 05/5/2023 đến nay ông H không thanh toán nên đến ngày 23/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 34.701.704 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Như vậy, Ông Trần Hoàng H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên thỏa thuận. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Trần Hoàng H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 34.701.704 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 24 của Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/11/2019, lãi suất quá hạn được áp dụng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Ông Trần Hoàng H thanh toán khoản lãi quá hạn tính từ ngày 23/12/2023 đến ngày 19/9/2025 là 30.570.904 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] *Về án phí:*

Ông Trần Hoàng H chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn Ông Trần Hoàng H.

1.1. Buộc Ông Trần Hoàng H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là 65.272.608 đồng (chín mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng) gồm: nợ gốc là 34.701.704 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.570.904 đồng.

1.2. Ông Trần Hoàng H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 trên dư nợ

gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký ngày 26/06/2020 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí:

2.1. Ông Trần Hoàng H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.263.630 đồng (ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi nghìn) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.241.880 (một triệu hai trăm bốn mươi một nghìn tám trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu số 0076920 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

